

Bản án số: 340/2024/DS-ST
Ngày 19 tháng 9 năm 2024
Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Hậu; Ông Đặng Khoa Thi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 412/2024/TLST-DS ngày 09/7/2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 623/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 661/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N2.

Trụ sở: số A, đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP N2.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Du M, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N2 chi nhánh A (Giấy ủy quyền số 507/UQ-VCB-PC ngày 26/4/2024 của Ngân hàng TMCP N2).

Ông Dương Du M ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn D, chức vụ: Phó trưởng phòng N2 chi nhánh A (Giấy ủy quyền số 142/UQ-AGI-HCNS ngày 05/9/2024). Địa chỉ: số B, đường L, khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Trương Công H, sinh năm 1967. Có mặt

Bà Đoàn Thị H1, sinh năm 1967.

Bà H1 quyền ủy cho ông H theo giấy ủy quyền ngày 30/7/2024 được

chứng thực chữ ký Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Cùng nơi cư trú: ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trương Văn N, sinh năm 1989. Vắng mặt

3.2. Ông Trương Thanh T1, sinh năm 1992. Vắng mặt

3.3. Bà Trương Thị Mỹ T2, sinh năm 1995. Vắng mặt

3.4. Bà Ngô Thị Hồng L, sinh năm 1988. Vắng mặt

3.5. Em Trương Bảo N1, sinh năm 2014.

3.6. Em Trương Bảo Q, sinh năm 2018.

3.7. Em Trương Minh Đ, sinh năm 2019.

Người đại diện hợp pháp cho N1, Q: Ông Trương Văn N, sinh năm 1989. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp cho Đ: Ông Trương Thanh T1, sinh năm 1992. Vắng mặt

Cùng nơi cư trú: Ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2024 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 03/8/2022, ông Trương Công H và bà Đoàn Thị H1 đã thỏa thuận ký kết hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số: 2046/2022/NH-VCB-AGI-TGLX với Ngân hàng TMCP N2 chi nhánh A - Phòng N2, số tiền vay là 390.000.000 đồng, mục đích vay nuôi cá, thời hạn vay 11 tháng từ ngày 03/8/2022 đến ngày 03/7/2023, trả lãi 03 tháng/lần, trả vốn cuối kỳ, lãi suất cho vay trong hạn cố định là 8%/năm, lãi suất cho vay quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả là 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Để bảo đảm cho khoản vay, ông H và bà H1 có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 592/2020/HĐTC-AGI-TGLX ngày 25/6/2020 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CO 573653, số vào sổ CH05764 do UBND thành phố L, tỉnh An Giang cấp ngày 20/8/2018, đất thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 6, diện tích 349,7m², đất tại xã M, thành phố L, tỉnh An Giang, giá trị định giá là 560.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông H và bà H1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi tạm tính đến hết ngày 13/8/2024 là 361.071.642 đồng, trong đó nợ gốc 307.358.411 đồng; nợ lãi trong hạn 36.857.924 đồng; nợ lãi quá hạn

16.855.307 đồng và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng, đồng thời yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 14/8/2024, bị đơn Trương Công H và Đoàn Thị H1 trình bày: Thống nhất với ngân hàng đối với số tiền vay và vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, nguyên nhân do ông H, bà H1 vay tiền nuôi cá nhưng do tình hình dịch bệnh nên làm ăn thua lỗ, không còn khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Hiện tại cuộc sống đã dần ổn định nên xin Ngân hàng cho trả nợ hàng tháng cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP N2 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Trương Công H, Đoàn Thị H1 phải liên đới trách nhiệm trả vốn, lãi tính đến hết ngày 19/9/2024 là 354.835.590 đồng, trong đó nợ gốc là 297.358.411 đồng, nợ lãi là 57.477.179 đồng, đồng thời yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm cho việc thi hành án.

Bị đơn Trương Công H, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Đoàn Thị H1 thừa nhận nợ và đồng ý thanh toán vốn, lãi theo yêu cầu của Ngân hàng, yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện thuận lợi cho ông, bà trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N2, buộc ông Trương Công H, bà Đoàn Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền gốc, lãi chưa thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 2046/2022/NH-VCB-AGI-TGLX ngày 03/8/2022 đã ký cho đến khi thanh toán hết số nợ đã vay cho Ngân hàng, đồng thời xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ, thể hiện: Ngày 03/8/2022, bị đơn ông Trương Công H, bà Đoàn Thị H1 có thỏa thuận ký kết hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số: 2046/2022/NH-VCB-AGI-TGLX với Ngân hàng TMCP N2 chi nhánh A - Phòng N2, số tiền vay là 390.000.000 đồng, mục đích vay nuôi cá, thời hạn vay 11 tháng từ ngày 03/8/2022 đến ngày 03/7/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn thanh toán có thanh toán lãi theo thỏa thuận nhưng không trả nợ gốc cuối kỳ và khoản vay nêu trên đã quá hạn thanh toán từ ngày 04/7/2023 đến nay, vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải liên đới trách nhiệm trả vốn, lãi tính đến hết ngày 19/9/2024 là 354.835.590 đồng, trong đó tiền vay là 297.358.411 đồng, tiền lãi là 57.477.179 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 592/2020/HĐTC-AGI-TGLX ngày 25/6/2020 được ký kết giữa Ngân hàng với bên thế chấp ông Trương Công H và bà Đoàn Thị H1 để đảm bảo khoản vay. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản được các bên ký kết có công chứng, chứng thực trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai 2013 và điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, Ngân hàng TMCP N2 yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông H, bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N2 tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 600.000 đồng. Do yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 68, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TANDTC;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N2.

Buộc ông Trương Công H và bà Đoàn Thị H1 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP N2 số tiền vay, lãi tính đến hết ngày 19/9/2024 là 354.835.590 đồng, trong đó nợ gốc là 297.358.411 đồng, nợ lãi là 57.477.179 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 19/9/2024, ông H, bà H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 2046/2022/NH-VCB-AGI-TGLX ngày 03/8/2022 và giấy nhận nợ ngày 03/8/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Trương Công H, bà Đoàn Thị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 592/2020/HĐTC-AGI-TGLX ngày 25/6/2020 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP N2 với bên thế chấp ông Trương Công H và bà Đoàn Thị H1 để bảo đảm cho việc thi hành án.

[2] Về án phí sơ thẩm

Bị đơn ông Trương Công H, bà Đoàn Thị H1 phải có nghĩa vụ liên đới nộp 17.741.780 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP N2 số tiền 9.370.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002334 ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ngân hàng TMCP N2 chi nhánh A được đại diện nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Trương Công H, bà Đoàn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP N2 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 600.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam